

Số **549** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày **25** tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình “Thí điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang” do AusAID tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12;

Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2006/QH11 ngày 29/11/2005; Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật xây dựng số 85/2009/NĐ – CP ngày 15/10/2009;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ – CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2520/QĐ – BNN – TCCB ngày 19 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Thủy công;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ – BNN – HTQT ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận viện trợ của AusAid cho “Thí điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang”;

Căn cứ nội dung của Thỏa thuận số 69334 ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa AusAid và Viện Thủy công về việc cấp kinh phí cho Hoạt động Hỗ trợ kỹ thuật Thí điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Viện Thủy công tại Tờ trình số 59/TTr-VTC ngày 26/02/2014 về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình “Thí

điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi tại Báo cáo số 42/TCTL-XDCB ngày 18/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình “Thí điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang” do AusAID tài trợ; với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Thí điểm áp dụng công nghệ đập ngầm nhằm sửa chữa, nâng cấp một số công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Tuyên Quang.

2. Chủ đầu tư: Viện Thủy công –Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Viện Thủy công –Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tiến sĩ Phùng Vĩnh An.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Ứng dụng giải pháp đập ngầm để sửa chữa, nâng cấp 6 công trình cấp nước, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho 727 hộ dân; góp phần đảm bảo ổn định đời sống, an ninh xã hội cho nhân dân và chính trị khu vực; công trình đảm bảo được tính bền vững, đáp ứng chất lượng nước sinh hoạt, giá thành giảm so với công nghệ hiện có; xây dựng các công trình mẫu có tính chất tiêu biểu, chuyển giao công nghệ, từ đó nhân rộng mô hình ra vùng miền núi phía Bắc.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

6.1 các chỉ tiêu và thông số thiết kế công trình:

Tên công trình			Tỉnh Hòa Bình		Tỉnh Lai Châu		Tỉnh Tuyên Quang	
			Xóm Hạ 1 - Hạ 2	Xóm Cương	Bản Nậm Phìn	Bản Chiềng Lông	Thôn Niềng - thôn Toa	Thôn Đèo Lang
Dân số vùng dự án	Người		759	460	648	546	891	600
Tiêu chuẩn cấp nước	Lít / ngày đêm		80					
Cấp công trình			IV					
Đập ngầm	chiều cao	m	1,2	1,2	1	1	1,2	1
	kết cấu		đá xây vữa M100	đá xây vữa M100	đá xây vữa M100	đá xây vữa M100	đá xây vữa M100	đá xây vữa M100
Dung tích bể tập trung nước	m ³		20 m ³	20 m ³	2x30m ³		20m ³	50m ³
Tổng chiều dài bang thu nước	m		150	82	100	60	93,5	157

6.2. Hình thức kết cấu các hạng mục.

6.2.1 Công trình cấp nước sinh hoạt xóm Hạ 1 và xóm Hạ 2

- Xây mới đập ngầm có kích thước $B=0,5\text{m}$, $L=3\text{m}$, kết cấu đá xây, cao trình đỉnh đập là +122; nối tiếp đập là bể tiêu năng có kích thước $B=3\text{m}$, $L=2\text{m}$, $H=0,3\text{m}$, kết cấu đá xây vữa M100 dày 40cm, cao trình đáy bể +121m.
- Trước đập ngầm bố trí bể lọc gồm 3 lớp vật liệu dày 1,2m (lớp đá ba tầng dày 30cm, đá 4x6 dày 20cm, cát lọc dày 70cm); hệ thống băng thu lọc nước gồm 300 băng thu gắn trên 15 ống PVC D90 dài 4,7m.
- Xây mới 1 bể tập trung nước dung tích 20m³ và 4 bể chứa nước sinh hoạt dung tích 5m³.
- Hệ thống đường ống nước dài 2.705,6m gồm đoạn ống HDPE D63 dài 389,1m, D50 dài 861,6m, D32 dài 1.342,9m, đoạn ống kẽm dài 112m.

6.2.2 Công trình cấp nước sinh hoạt xóm Cương

- Nâng cao trình đỉnh đập tràn hiện có lên cao trình +71,15m, kết cấu đá xây vữa mác M100, $B = 5,6\text{m}$, cao trình đỉnh tường bên +71,45m.
- Trước đập bố trí bể lọc gồm 3 lớp vật liệu dày 1,2m (lớp đá ba tầng dày 30cm, đá 4x6 dày 20cm, cát lọc dày 70cm) và hệ thống băng thu lọc nước gồm 164 băng thu gắn trên 3 ống PVC D90 đặt giữa lớp cát lọc.

6.2.3 Công trình cấp nước sinh hoạt bản Nậm Phìn

- Xây dựng mới đập ngầm chắn ngang suối nằm ở thượng lưu đập cũ, tại cọc H10, cao trình đỉnh đập +591,45m, $H=1\text{m}$, $L=1,77\text{m}$, $B=3\text{m}$, kết cấu đá xây vữa M100; bố trí đồng đá tiêu năng nằm sau đập ở cao trình +590,95m.
- Tại đầu mối cũ, bố trí 1 hào thu nước gồm 3 dải thu nước dài 4m. Tại đập mới bố trí 1 hào thu nước trước đập gồm 3 dải thu, mỗi dải dài 12m, các dải thu nước đặt trong lớp cát lọc dày 50cm, bên trên là lớp cuội sỏi dày 50cm. Nước thu từ đập mới được dẫn theo đường ống về đập cũ, cấp cho hệ thống nước sinh hoạt.
- Xây mới 2 bể chứa nước tập trung dung tích 30 m³, kết cấu BTCT M200.
- Làm 2 tuyến đường ống HDPE D90= 150m, D50 = 830m.

6.2.4. Công trình cấp nước sinh hoạt bản Chiềng Lồng

- Làm hệ thống hào thu nước trước thượng lưu đập cũ, cơ cấu thu nước gồm 120 băng thu gắn trên 3 ống PVC D90 dài 10m, đặt giữa lớp cát lọc dày 80cm, bên trên là lớp đá 4x6 và cuội sỏi lòng sông dày 40cm.
- Làm mới hệ thống đường ống cấp nước từ đầu mối mới về bể lọc đã có sẵn bằng ống HDPE đường kính D90 dài 430m.
- Cải tạo hai tuyến đường ống cấp nước cũ đã bị hư hỏng với tổng chiều dài 1.700m (đoạn 1 đường ống HDPE đường kính D32 dài 1.000m, đoạn 2 đường ống HDPE đường kính D25 dài 700m).

6.2.5. Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Niềng, thôn Toa

- Nâng cao trình đập tràn lên +157,0m, kết cấu đập bằng đá xây vữa M100, $B = 6,76\text{m}$, $H = 1\text{m}$.

- Làm hệ thống hào thu nước, cơ cấu thu nước gồm 187 băng thu gắn trên 2 ống PVC D90, đặt giữa lớp cát lọc dày 80cm, bên trên là lớp đá 4x6 và cuội sỏi lòng sông dày 40cm.
- Xây mới 01 bể chứa nước tập trung, $V=57m^3$, kích thước 6,8mx7,8mx1,7m kết cấu BTCT M200.
- Sửa chữa tại 3 vị trí bị hư hỏng trên hệ thống đường ống cấp nước cũ bằng kẽm D50 từ đầu mối về bể trung tâm dài 120m.

6.2.6. Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Đèo Lang

- Xây dựng đập ngầm kết hợp với hệ thống thu nước bằng băng thu nước. Đập ngầm cao 1,00m, cao trình đỉnh đập +99,50m, kết cấu bằng đá xây vữa M100. Hệ thống thu nước gồm 286 băng thu, gắn vào ống PVC, đặt giữa lớp cát dày 70cm, bên trên là lớp đá lát dày 30cm.
- Sửa chữa bể chứa nước tập trung, kết cấu BTCT M200, $V= 50m^3$
- Làm mới tuyến đường ống cấp nước bằng ống HDPE D75 từ khu vực đầu mối về bể chứa nước tập trung dài 805m.

7. Địa điểm xây dựng:

- Tỉnh Hòa Bình:

- + Xóm Hạ 1 và Hạ 2, xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy.
- + Xóm Cương, xã Hữu Lợi, huyện Yên Thủy.

- Tỉnh Lai Châu:

- + Bản Nậm Phìn, xã Nậm Mạ, huyện Sìn Hồ.
- + Bản Chiềng Lông, xã Nậm Cha, huyện Sìn Hồ.

- Tỉnh Tuyên Quang:

- + Thôn Niềng và thôn Toa, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương.
- + Thôn Đèo Lang, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa.

8. Diện tích sử dụng đất: Đất công trình sẵn có.

9. Phương án xây dựng: Xây dựng mới kết hợp sửa chữa, nâng cấp.

10. Loại, cấp công trình: Công trình cấp IV.

11. Thiết bị công nghệ: Áp dụng công nghệ đập ngầm để xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt. Về cơ bản, giải pháp công nghệ đập ngầm sử dụng kết cấu thu nước gồm các băng thu nước Waterbelt dài 52 cm gắn vào ống PVC có xẻ rãnh đối xứng 2 bên thành 1 dải thu nước, khoảng cách giữa tâm 2 băng theo dọc trục ống là 50cm. Các dải thu được đặt trong lớp cát thô ($d<0,5$), bên trên là lớp đá 4x6, trên cùng là lớp đá 3 tầng lọc có tác dụng giữ lớp cát lọc, khoảng cách giữa trục ống 2 dải thu nước là 150 cm. Các dải thu được đầu nối với ống dẫn, nước thu được sẽ theo ống dẫn về các bể tập trung rồi phân phối đi; Cuối băng thu nước được chắn bằng đập ngầm kết cấu bằng đá xây để ngăn dòng nước ngầm và giữ vật liệu lọc.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không cần giải phóng mặt bằng.

13. Tổng mức đầu tư: 5.819.968.000 đồng

(Năm tỷ, tám trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	4.349.097.000 đ
+ Chi phí điều tra, khảo sát, thiết kế:	416.466.000 đ
+ Chi phí quản lý dự án:	92.418.000 đ
+ Chi phí khác:	200.000.000 đ
+ Chi phí giám sát xây dựng:	89.287.000 đ
+ Chi phí chuyển giao công nghệ:	300.000.000 đ
+ Chi phí hội thảo:	350.000.000 đ
+ Chi phí dự phòng:	22.700.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục 1)

14. Nguồn vốn đầu tư: Do Cơ quan Phát triển quốc tế Úc (AusAid) tài trợ.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

16. Thời gian thực hiện: Năm 2014

17. Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tổng thể của công trình: *(Chi tiết xem phụ lục 2 kèm theo).*

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy Lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế, Giám đốc Trung tâm Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Viện trưởng Viện Thủy công và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- Viện Thủy công;
- Cục XD, Các Vụ KH, TC;
- Lưu VT, TL.

